

*Công **cha** như núi Thái Sơn
Nghĩa **mẹ** như nước trong nguồn chảy ra.*

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
cho tròn chữ hiếu mới là **đạo con**.*

Ngôn ngữ chỉ là phương tiện chuyển tải sự sinh động của **lòng người** nên khi đạt được ý mới chiêm nghiệm được những **thông điệp ẩn dụ** qua các nghệ thuật dân gian để khơi động sự cảm nhận sẵn có nơi lòng người và tiềm tàng trong dòng sống sinh động.

Lòng người hòa quyện với sự cảm nhận thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) và môi trường xã hội phát sinh ý nghĩ, tư tưởng và kinh nghiệm sống, **thể hiện qua lời nói**. Cho nên **ca dao gọi là tiếng nói tâm thức của dân tộc**.

Bài ca dao:

*Công cha như **núi** Thái Sơn
Nghĩa **mẹ** như nước trong nguồn chảy ra.*

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

chuyển tải sự chuyển dịch của quá khứ và hiện tiền vào cõi vô biên của vũ trụ **gom** cả bao la của **trời đất vào lòng người**.

Tinh hoa của dòng sống sinh động là cái linh động của dòng tâm thức Việt, ứng biến được trong cái **thể** có cái **dụng** và trong cái **dụng** có cái **thể**, nên gọi trời là **cha** (RÒNG = dương), đất là **mẹ** (TIÊN = âm). Con người được sinh ra do **khí cha huyết mẹ**, đầu đội trời chân đạp đất, sống hòa mình vào thiên nhiên một cách tự nhiên có cái **vững** như núi (công cha), có cái **hiền hòa** như suối nguồn (nghĩa mẹ) có lúc động lúc tịnh, lúc cương lúc nhu. Tất cả hòa quyện lấy nhau, tùy cơ ứng biến liệu thời làm ăn.

Cha sanh mẹ dưỡng nói lên sự định hình của **nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước** ổn định lâu đời, qua các thời kỳ như dòng nước chảy có nhiều chuyển biến, được chuyển tải **qua tâm thức con người** bằng những sáng tạo của nghệ thuật dân gian sinh động theo dòng sống (tiếp nối tâm thức của dân tộc) nên mọi người có thể cùng **nghe, cảm, nhận, biết, sáng tạo** để hòa mình vào dòng sống của nhau chia sẻ những nỗi niềm, hoài vọng của quê hương dân tộc, cùng nhau **tiến hóa, thăng hoa, hòa đồng** vào dòng sống xã hội trong tinh thần nhân bản, nhân chủ dưới ánh sáng của tình thương và trí tuệ, qua quá trình **giáo dục nhân bản tâm linh**: học ăn, học nói, học gói, học mở, làm cho tròn chữ hiếu, thể hiện **đạo làm người** (đạo con) trong dòng sống sinh động suốt chiều dài lịch sử dân tộc.

*Công Cha Như Núi Thái Sơn,
Nghĩa Mẹ Như Nước Trong Nguồn Chảy Ra*

Trên quả địa cầu nói riêng, vũ trụ nói chung không có “thứ gì” chỉ có âm hoặc chỉ có dương thôi mà tồn tại được. Mất quân bình giữa âm dương cũng thuộc loại què quặt.

Cho nên trong nếp sống Việt, đạo sống Việt, khi nói đến cha, luôn luôn nhắc đến mẹ hay ngược lại.

*Trong nhà hiếu với **mẹ cha**,
kính nhường người lớn khi ra bên ngoài.*

hoặc

*có **cha mẹ**, mới có ta,
làm nên nhờ có **mẹ cha** vun bồi*

hay

cha khôn mẹ khéo.

Hiện nay, loài người đang **vận dụng cái dụng của lý âm dương** để sáng tạo những hiện tượng sống (computer, tivi, tủ lạnh, xe hơi, thực phẩm, vật dụng... kể cả những phương pháp dưỡng sinh và phát triển tâm linh ...). Nhưng chỉ có dân tộc Việt Nam đã **thần hóa âm dương** thành cha RỒNG (dương) mẹ TIÊN (âm) qua biểu tượng Thần Tổ KÉP TIÊN RỒNG để tôn thờ ghi nhớ. Có lẽ không có ở đâu mà lòng biết ơn được xem trọng và sâu sắc như thế.

Trong lúc đó, các dân tộc khác chỉ chọn một con vật làm biểu tượng: Pháp chọn con GÀ TRỐNG, Anh chọn SU TỬ, Nga chọn GẤU, Đức và Mỹ chọn “CHIM ƯNG”, Tàu đầu tiên chọn con NGỰA, sau ngựa đầu rồng rồi RỒNG, v.v....

Đó là phản ảnh của các nền văn hóa gốc du mục xem trọng người nam. Chúa Trời Cha là nam, Chúa Jesus con là nam, chúa Thánh Thần cũng là nam, giáo hội gồm toàn là nam.

Giáo hội Phật giáo cũng toàn là sư. Mối tương giao giữa Tăng và Ni là mối tương giao bất bình đẳng.

Nho giáo cũng trọng nam khinh nữ. Khổng Tử nói đến đàn bà ở nhiều chỗ với một giọng rất miệt thị, xem thường người nữ: chỉ hạng đàn bà và tiểu nhân là khó dạy. Gần thì họ nhờn, xa thì họ oán (Luận Ngữ, Dương Hóa, 25).

Thật là nghịch lý, các ông Thánh đều từ bà mẹ mà hiện hữu trên đời và quảng bá **tự do** và **bình đẳng**. Nhưng lại xem thường người đàn bà. Không có người nữ thì không có lịch sử loài người.

Thực tế cho thấy chỉ có người mẹ mới có thiên chức mang thai; chỉ có người đàn bà mới có khả năng, tư cách và điều kiện sanh con, tặng cho loại người mầm sống mới. Sự sống mới chỉ hiện hữu qua người mẹ, trong người mẹ.

Chỉ có mẹ là người gieo (cấy) trồng hạt giống tình thương cho thai nhi, đồng thời vun bồi nuôi dưỡng. Không ai có thể thay thế thiên chức người mẹ trong việc giáo dục nhân bản tâm linh cho con cái, từ thời tiền thai nhi, qua thai giáo và tiếp tục khi con ra đời cho đến khôn lớn.

Nói đến mẹ là nói đến suối nguồn tình thương, dịu hiền, bao dung, vị tha, thanh thoát, hồn nhiên, trong sáng, hài hòa và thăng hoa

Tình thương hồn nhiên trong sáng thể hiện là có tất cả: thương mình, thương người (thương người người lại thương ta), thương cha thương mẹ, thương con, thương nước thương nòi (người trong một nước phải thương nhau cùng), thương loài người (bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn). Đạo lý của dân tộc phát sinh từ mẹ: thương người như thể thương thân, yêu thiên nhiên (uống nước nhớ nguồn) vạn vật muôn loài.

Tình thương sẽ hóa giải những nghịch lý, mâu thuẫn ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội: thương nhau củ ấu cũng tròn (một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng).

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã rời khỏi mẹ hiền vào tu viện từ thời thơ ấu thế mà khi ngộ đạo, ngài cũng cảm thấy được tình thương từ người mẹ. Ngài đã chỉ ra: hạnh phúc là có được tâm bình an. Muốn có bình an hãy nuôi dưỡng tâm từ bi. **Người mẹ nào cũng nuôi con bằng tâm từ bi.** Mỗi cá nhân **hãy học từ bi từ người mẹ** và gìn giữ tâm từ bi với xã hội, đất nước nhân loại (từ bi suối nguồn của hạnh phúc trước khoảng 9,000 người tại rạp Bison Amphitheatre – Universal Studio ngày 13-9-2006). Ngài còn chỉ ra từ bi là một trong các điều chủ yếu khiến cuộc đời ta có ý nghĩa. Đó là suối nguồn của mọi thứ hạnh phúc và niềm vui lâu bền... chúng ta có thể ném bỏ hết tất cả các thứ khác: tôn giáo, lý tưởng, tất cả các thứ tri thức thọ nhận. Nhưng chúng ta không thể tránh khỏi sự cần thiết của tình thương và tâm từ bi. Trong ý nghĩa đó, không còn cần đến chùa chiền hoặc giáo đường, điện thờ hay tòa thánh, cũng không cần các triết lý, giáo lý hoặc chủ thuyết phức tạp. Tâm ta, tự thức ta, chính là đền thờ, chủ thuyết là TỪ BI.

Tình thương đối với tha nhân và tôn kính đối với quyền lợi và phẩm cách của họ, cho dù họ là ai và làm gì: cuối cùng đó là tất cả những gì chúng ta cần. (Dalai Lama – Ethics for the New Millennium, năm 1999, trang 234).

Như trên đã trình bày, trong nếp sống Việt nói đến mẹ là phải có hình ảnh của cha. **Nói đến cha là nói đến trí tuệ**, rèn luyện ý chí làm người, hào hùng, kiên cường bất khuất nhưng bao dung, v.v....

Đó là trong ý nghĩa mẹ dạy khéo, cha dạy khôn (cha khôn mẹ khéo) trong phân công thuận lý theo thiên nhiên trong cảm nang dịch lý tâm học: “học ăn, học nói, học gói, học mở” thì mẹ dạy “**ăn**” và “**gói**” cha dạy “**nói**” và “**mở**”.

Người Việt nam đã thấm nhuần một cách tự nhiên **triết lý tiên rồng** (tức cái dụng của lý âm dương) từ trong tim óc. Nó thể hiện ở tinh thần hài hòa (hòa cả làng). Hòa là chủ đạo cho mọi liên hệ ứng cử, trong lời nói, ý nghĩa, việc làm và hòa cùng vũ trụ (1).

Sự hiểu nghiệm (sự hiểu biết qua kinh nghiệm sống) cái dụng của triết lý âm dương, dạy chúng ta chấp nhận dị biệt, dị biệt là bổ sung (rằng trong lẽ phải có người có ta) nghĩa là chấp nhận cả hai, chứ không trụ ở một phía **có cha là phải có mẹ**, công cha nghĩa mẹ, và ngược lại. Vừa dịu hiền nhu thuận như mẹ Tiên Âu cơ, vừa kiên cường, trí dũng như cha Rồng Lạc long; vừa nhớ **công cha** lớn như núi, vừa nghĩ đến nghĩa mẹ như nước trong nguồn tuôn chảy mãi không dứt.

Như nước trong nguồn chảy ra.

“**Nguồn**” ở đây bắt **nguồn từ sự khám phá ra nguyên lý âm dương**, mở cánh cửa thiên nhiên, cảm nhận được suối nguồn của vạn vật muôn loài và vũ trụ.

Đó là về tận cội nguồn của tư tưởng Việt, tức Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) (2).

Tổ Tiên Việt có tầm nhìn sâu rộng với triết lý sống thấm nhuần lý vận hành của âm dương, khi thân hóa âm dương thành cha Rồng (dương) mẹ Tiên (âm) để tôn thờ tỏ lòng biết ơn Tổ Tiên, vạn vật muôn loài, và vũ trụ; đồng thời còn gói ghém những đặc tính tích cực của con người và kinh nghiệm sống hài hòa với triết lý “**đối lập thống nhất**”, tức luân lưu, hòa quyện, bổ sung cho nhau (hài hòa), không phải tư tưởng đối cực mâu thuẫn hủy diệt, mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé.

Hình ảnh cha mẹ cùng sánh vai trong biểu tượng thần Tổ Kép Tiên Rồng nhắc nhở “công cha nghĩa mẹ” (trong nghĩa mở rộng cha Rồng (dương), mẹ Tiên (âm) và cha trời mẹ đất) và những nét đẹp hùng tráng nhất mà một dân tộc đã dành cho cha mẹ mình để con cháu có chỗ dựa, đáng hãnh diện khi nghĩ về dân tộc mình (3).

Mặt khác không cần phải đọc sách vở kinh điển mới biết được công cha như núi nghĩa mẹ như nguồn nước, công đức của cha mẹ bằng trời bằng biển.

Khi nuôi con thì hiểu nghiệm ngay, không cần phải thuyết giảng dông dài:

Nuôi con mới biết lòng cha mẹ

hoặc

*Lên non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công lao mẹ cha.*

Chữ nghĩa (sách vở kinh điển) lời nói (thuyết giảng) chỉ là ý niệm, khái niệm. Nó ở ngoài da không đánh động, không làm run cảm được lòng người một cách sâu sắc.

Thấm nhuần triết lý âm dương nên nếp sống Việt, người nam sẽ chưa thành nhân, nếu chưa kết hôn với người nữ để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình sinh con đẻ cái.

Ông cha ta thường nói:

*Trăm nghe không bằng một thấy
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Vậy hãy trở về với chính mình, tự biết mình thì **cảm nhận được ngay** công đức cha mẹ bằng trời bằng biển.

Lúc con mình còn nhỏ, lỡ khi gặp trái gió trở trời, con đau nặng, mình đứng ngồi không yên; ngày đêm lo lắng, chăm sóc từng miếng ăn, giấc ngủ của con. Đôi lúc nghĩ lại **lúc mình mang nặng đẻ đau mới thấm cái đau của mẹ.**

Hai vợ chồng chịu bao lao nhọc vất vả để kiếm tiền nuôi con khôn lớn. Mỗi ngày con lớn lên, mỗi lo càng phức tạp: con càng lớn cha mẹ càng thêm lo. Lo đủ điều, lo về vật chất lo về tinh thần ... lo dạy dỗ cho con **thành người.**

Từ kinh nghiệm bản thân tự cảm nhận, trực nhận từ nội tâm một cách sâu sắc:

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

cho nên ông cha đã dạy:

*Trăm hay xoay vào lòng,
Ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình.*

Sở dĩ trên đây chúng tôi phải dài dòng chỉ nhằm mục đích minh xác một điều: nhờ thấm nhuần triết lý âm dương mà Tổ Tiên chúng ta đã thể hiện được tính đối lập thống nhất (hài hòa) và bình đẳng giữa âm dương, giữa trai gái trong chọn lựa người bạn đời, bình đẳng trong hôn nhân, bình đẳng giữa vợ chồng, giữa cha-mẹ (4) trong giải trí, trong huyền thoại (cha mẹ cùng sánh vai trong thần Tổ Kép Tiên Rồng).

Ở đâu có **bình đẳng**, ở đó có **tự do**. Đứng trên góc độ xã hội **chân tự do** chỉ đến với những ai đã no cơm ấm áo và được đãi ngộ bình đẳng về quyền lợi. Chân bình đẳng chỉ có khi mọi người đều được tự do phát triển khả năng để nâng cao giá trị. Không thể có tự do không bình đẳng. Cũng không thể có bình đẳng không tự do (Tủ Sách Nhân Chủ Xã Hội, năm 1969 trang 43).

Bình đẳng và tự do là điều kiện cần và đủ để xây dựng **xã hội nhân bản** qua lăng kính nhân chủ để **nhân tánh** thăng hoa đến tuyệt đích ưu việt tròn đầy, trong sáng và viên mãn.

Trên góc độ đạo học không chấp trước, không bị điều kiện hóa nghĩa là tự do thì mới bước được vào ngưỡng cửa của chuyên hóa tâm thức, phát triển tâm linh.

Chấp trước tức không có tự do thì không có tình thương hồn nhiên trong sáng mà chỉ có loại tình thương **mang nhân hiệu** còn **vấn đục tư đục** (5).

Có thể tóm gọn toàn bộ giáo lý mà Thái Tử Tất Đạt Đa sau khi giáo ngộ đã thuyết giảng trong xã hội Ấn Độ một xã hội phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt với nếp sống bất bình đẳng, thiếu vắng tính người và tình người là **không chấp thủ** (Kinh A Hàm).

Người Việt Nam còn tâm Việt hồn Việt, còn đứng được trên hai chân của chính mình thì phải thấy cho bằng được trong lúc Đức Phật thuyết phục dân Ấn Độ sống với những điều mà Ngài đã ngộ (**không chấp thủ**) thì Tổ Tiên người Việt Nam để **thể hiện được cái “dung”** của cái “thể” mà Thái Tử Tất Đạt Đa đã ngộ được, **trong nếp sống chan chứa tính người và tình người** với đạo lý dân tộc: thương người như thể thương thân trong xã thôn tự trị.

Một cơ cấu xã hội, xã thôn tự trị, thể hiện được **tình thần** dân chủ mang tính **nhân bản** qua lăng kính nhân chủ và khai phóng dung hóa trong giao lưu, dung hợp được **công bằng và tự do**.

Thấm nhuần triết lý âm dương, Tổ Tiên chúng ta, khi nói đến cha là nghĩ đến mẹ (công cha nghĩa mẹ), tình thương đi liền với trí tuệ.

Từ sự hiểu nghiệm sâu sắc đó mà người Việt xưa đã xây dựng được nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa (hòa cả làng: coi nhau như bát nước đầy là hơn) trong xã thôn tự trị.

Bình đẳng giữa trai gái, hôn nhân bình đẳng với gia đình phân công, thuận lý theo thiên nhiên, bình đẳng giữa vợ chồng, cha mẹ....

Tình thần bình đẳng đó được huyền thoại hóa **cha mẹ** trở thành **RỒNG TIÊN** cùng sánh vai một cách bình đẳng trong biểu tượng Thần Tổ Kép Tiên Rồng, một biểu tượng có một không hai trên thế giới.

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Còn nói lên đặc tính của dân tộc, vừa dịu hiền khoan hòa như mẹ Tiên, vừa dũng mãnh hào hùng lắm liệt như cha Rồng, vừa khôn như cha, khéo như mẹ (cha khôn mẹ khéo), nhưng khôn cũng chết, đại cũng chết, biết (thuận lý theo thiên nhiên, theo thực tại) thì sống.

Một lòng thờ mẹ kính cha

Một lòng thờ mẹ kính cha, trong ý nghĩa hành động phát xuất **từ tận đáy lòng**, chứ không phải do một hình thức hay khuôn mẫu đạo đức xã hội qui định.

Tấm lòng, “lòng” là cõi bao la vô tận, trống rỗng, trong sáng, tròn đầy, không trong không ngoài, không bờ không bến, không thể cân đo đong đếm, không màu không sắc, không có sự tự tính, nhưng không phải là hư vô, vô ngại, thông đạt, hòa cùng vũ trụ.

Tất cả đều có sẵn trong đó, kể cả **hạt giống tình thương yên nguyên**, trong ý nghĩa tình thương là trí tuệ như hai mặt của một thực tại.

Hạt giống tình thương yên nguyên, **không mang bất cứ một nhãn hiệu nào**, không bị điều kiện hóa bởi những ý thức hệ hay giáo điều của tôn giáo như Ấn giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Ba-la-môn giáo, Ki tô giáo, Tin lành, Hồi giáo, v.v... và v.v..., **vì có tự do tâm linh**, mới có tình thương hồn nhiên trong sáng, từ hạt giống yên nguyên nảy nở phát triển.

Tục thờ cúng tổ tiên ông bà là hình thức, là phương pháp giáo dục cụ thể, linh động, thiết thực mang **tính hiện thực và nhân bản**, tự nhắc nhở mình, đồng thời dạy con cháu nhớ ơn công đức của tiên nhân.

Người thờ người, **thờ nhân tính**, thì không còn gì **nhân bản** hơn.

Tục thờ cúng ông bà Tổ Tiên là nền tảng của **đạo làm người**, không phải do một người đặc đạo nào đó hay do một hệ thống triết học chỉ dạy, mà do **cách sống** (sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng) **cách làm ăn** (trồng lúa nước) trong nền văn minh nông nghiệp ổn định lâu đời cách ngày nay khoảng 8000 – 9000 năm, **với nếp sống** chan chứa tính người và tình người, xem trọng lòng biết ơn, **tạo nên**.

Lòng biết ơn và nhớ ơn tiên nhân (cha mẹ, ông bà, Tổ Tiên, và cội nguồn) là nền tảng của tục thờ cúng Tổ tiên, bắt nguồn từ việc “uống một ngụm nước trong mát” phải nhớ đến nguồn nước, ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ đến công lao của kẻ trồng cây.

Nhân sinh quan thảo mộc / thiên nhiên đã tạo nên một không gian tâm linh, một chiều kích thứ tư, khiến con người tương cảm, tương cận với tiên nhân. Cho nên, trong gia đình, con người cảm thấy **vững tâm với linh cảm** rằng mái ấm gia đình của mình luôn luôn có sự che chở của Tổ Tiên ngự trị trên bàn thờ gia tiên. (Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, Tủ sách Việt Thường, năm 2000, trang 36).

“Chính thực tại vô hình ấy là đầu mối của mọi sinh hoạt tâm linh và sinh hoạt kinh tế của dân tộc Việt, chi phối toàn bộ hệ thống văn hóa, chính trị, kinh tế tạo thành một cá tánh độc đáo mà không một dân tộc nào có được nét sâu sắc như thế.

Nhiều mối dây liên hệ thiêng liêng ràng buộc các phần tử trong gia tộc thành một khối nhất trí như thế, nên một tập tục (một hình thức tín ngưỡng, đặc biệt phát sinh tại Việt Nam: tục thờ cúng ông bà, “đạo thờ cúng ông bà” (Tuyên Ngôn Con Người, tủ sách nhân chủ xã hội, năm 1969, trang 47).

Đối với nông dân Việt, **sự an bình** trong làng mạc của họ được vị thành hoàng làng trấn ngự dưới mái đình làng phù trợ.

Mở rộng ra đến cả nước thì quốc tổ **sẵn sàng tiếp ứng** lúc hữu sự, khi con cái cất tiếng kêu cầu: **Bố ơi!** về giúp chúng con (Thường Nhược Thủy, sđd trang 36) “**Bố**” một kết hợp của diễn tả bao gồm tất cả, trong đó có ý nghĩa hồn thiêng sông núi, bản sắc dân tộc và tiềm năng dân tộc.

Tục thờ cúng Tổ Tiên (mà ngày nay gọi là đạo thờ cúng ông bà) không cần đến kinh điển hoặc sách vở rườm rà vì nó phát sinh từ **lòng thành**, từ kinh nghiệm sống của bản thân, trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng **một lần trải qua**: nuôi con mới biết lòng cha mẹ; Mà cũng không cần đến hàng giáo sĩ, hay tu sĩ hoặc ông Thánh nào giảng dạy với lý thuyết suông chủ yếu là ở tấm lòng thành kính, tỏ lòng biết ơn và nhớ ơn với những nghi thức lễ bái thật đơn giản, thuận lý theo thiên nhiên và môi trường sống.

Việc cúng bái ông bà điều quan trọng là ở **lòng thành**: Đối với người nghèo, tỏ lòng thành với một chén cơm, đĩa rau, một nải chuối, một nén hương, v.v...cũng có thể tỏ lòng biết ơn Tổ Tiên, ông bà, cha mẹ. Điều đặc biệt là dù có rượu cũng phải có một chén **nước trong**. Nước nói lên tính thuần khiết. Nó còn mang nhiều ý nghĩa sâu sắc như tính chất hiện hữu và thường hằng, dung chứa tất cả những đặc tính mà con người cần học hỏi, như tự thanh lọc, thăng hoa (như nước bốc hơi), (xem thêm chi tiết Nước, đặc tính gốc của nền minh triết Việt, Tủ Sách Việt Thường, năm 2002)

Hãy nhìn vào đời sống tinh thần của người dân Việt Nam thì thấy rõ. Dân Việt Nam có thể say mê theo một tính ngưỡng nào đó, nhưng động cơ thâm kín thúc đẩy họ tin theo, trước hết phải là vì gia tộc, tức vì tiền đồ hậu lai. Ngay một số tôn giáo lớn không chấp nhận hình thức thờ cúng ông bà, sau khi du nhập vào Việt Nam cũng phải làm ngơ hoặc phải xét lại giáo điều cho phù hợp với nhu cầu thiêng liêng ấy của nếp sống Việt. Nếu không thì bị xem như tà đạo bàng môn (Tủ sách nhân chủ xã hội, trang 47)

Ông bà thường nói:

*Vô chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ công phu chưa đành*

Và nhắc nhở:

*Tu đâu cho bằng **tu nhà**,
Thờ cha kính mẹ chính là **chân tu***

Ngày giỗ chạp thể hiện lòng biết ơn và nhớ ơn đối với tiền nhân (cha mẹ, ông bà, Tổ Tiên, cội nguồn) bao hàm lòng yêu quê hương, nhớ nguồn gốc. Là người Việt Nam không bao giờ quên nguồn gốc:

Uống nước nhớ nguồn

hoặc

*Con người có tổ có tông
Cái cây có cội, con sông có nguồn.*

Lòng biết ơn và tinh thần nhớ nguồn gốc phát sinh từ tình thương. Không phải ý niệm tình thương hay danh từ **tình thương** mà mọi người nhắc đi nhắc lại hàng ngày, mà tình thương phát sinh, nảy nở do tiếng gọi của **giòng máu** và sự **sống chung**, được thể hiện trong nếp sống hàng ngày, sống thuận theo thiên nhiên.

Tình thương là nền tảng của mọi tôn giáo, là bản chất cố hữu của con người. Nó là yếu tố hội tụ vô cùng cần thiết cho mọi sinh hoạt của con người, trong cộng đồng nhân loại để chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng. Nó là nền tảng của nếp sống hài hòa trong nền văn minh nhân bản.

Thiếu vắng tính người và tình người (tình thương) con người trở thành một quái vật. Hay nói khác đi con người thôi làm người, tự khai tử.

Không có tình thương là không có gì cả: Không có tình cha con, tình mẹ con, tình nghĩa cha con, lòng hiếu thảo, tình nghĩa vợ chồng, lòng thương nước, thương nòi, yêu thương đồng loại và yêu thiên nhiên.

“Vì lý do ấy, các thành nhân sáng lập các tôn giáo lớn Đông Phương như Thích Ca, Ki Tô, Khổng Khâu, tuy cơ sở triết lý hoàng hóa truyền thống của tông đồ có khác nhau, nhưng tất cả đều gặp nhau ở một điểm vừa căn bản vừa đặc biệt, được coi như yếu tố tiên quyết không cần biện minh: đó là yếu tố **Tình thương**.

Suốt một đời truyền giáo của các thánh nhân ấy, Đức Phật kêu gọi **Từ Bi**, Đức Chúa hô hào **Bác Ái**, Đức Khổng đặt tất cả nền tảng căn bản của đạo Nho trên một chữ **Nhân**. Tuy nghĩa có sâu nông rộng hẹp khác nhau, nhưng tông chi, Từ Bi, Bác Ái hay đạo Nhân đều là những danh xưng sai khác của **Tình Thương**.

Sở dĩ họ đưa ra Tình Thương mà không cần biện minh bằng giáo lý, vì tất cả vấn đề là ở đó. **Tình Thương không chấp nhận mỗ xê. Tình Thương là hơi thở của vạn hữu. Không có Tình Thương, không có con người. Cũng không thể quan niệm con người ngoài Tình Thương.**

Đời sống con người cũng như đời sống xã hội không chỉ khác hơn là những thể cách sai khác của Tình Thương. (Tuyên Ngôn con người, Tủ sách Nhân chủ xã hội, năm 1969 trang 40).

Một lòng thờ mẹ kính cha. Chữ “lòng” nhắc nhở chúng ta thờ mẹ kính cha **bắt nguồn từ tận đáy lòng** như đã trình bày ở phần trên, nghĩa là **trở về với chính mình**, tự biết mình, tạo điều kiện thuận lợi để hạt giống tình thương nảy nở phát triển hồn nhiên trong sáng thuận lý thiên nhiên. Có thể nói ngắn gọn một khi tình thương hồn nhiên trong sáng, dưới ánh sáng của trí tuệ, **thể hiện** thì con người sẽ biết làm gì cho mình, cho gia đình (vợ/chồng, cha/mẹ, con cái), và làm gì đối với Ông bà Tổ tiên một cách tròn đầy, không cần phải qua sách vở kinh điển lời giảng, lý thuyết suông.

Ngày giỗ chạp là dịp anh em bà con họ hàng xum họp với nhau để chung vui hay chia xê nỗi buồn, để học hỏi lẫn nhau, đồng thời để trao đổi kinh nghiệm sống. Nó cũng là dịp để hòa giải những mâu thuẫn hoặc những hiểu lầm trong anh em bà con họ hàng. Ngày giỗ là dịp bà con họ hàng nhận biết nhau để không có sự lầm lẫn đáng tiếc đưa đến những cuộc hôn nhân gàn gữa trong họ hàng bà con. Con cô con cậu hoặc đôi con dì theo tục lệ Trung Quốc vẫn có thể đi đến cuộc hôn phối; trái lại, đạo lý Việt Nam lên án nghiêm khắc điều đó. Sự nghiêm khắc ấy suy cho cùng không phải là sự hẹp hòi mà là phát khởi từ một **trực giác khoa học rất cao**, từ ý thức tự

vệ, tự tôn vững mạnh để cho giống nòi khỏi bị những kết hợp nguy hại, hầu có những miêu duệ tốt, tránh khỏi sự tác hại của ảnh hưởng **di truyền đồng tính đồng tật**. Cho nên người Việt phân biệt cụ thể vị trí mỗi người trong gia đình, qua cách xưng hô phân biệt cụ thể, rõ ràng để không có sự lầm lẫn dễ dàng đưa đến một sự xáo trộn nguy hại về mặt tổ chức cũng như về mặt tinh thần.

Trước hương thơm tỏa trên bàn thờ, ngày giỗ còn nhắc nhở chúng ta con người có bị hủy hoại là hủy hoại cái phần kiến tạo nhất thời (cơ thể) để sinh hoạt trong một thời gian không gian nhất định nào đó, còn phần khác bao gồm một thực tại hữu hình cũng như vô hình được lưu truyền từ đời này sang đời khác như tế bào truyền chủng, tư tưởng, tánh chất, sắc thái, danh thơm tiếng xấu, những nét đặc thù trong nếp sống văn hóa hàng ngày, phần cốt lõi tinh hoa của con người v.v...; phần tồn tại đó trong gia đình gọi là “gia phong”, đối với dân tộc Việt Nam nói riêng gọi là “Việt phong”

Có chết mới có sống, hay nói cách khác chết là điều kiện của cái sống. Có thể nói Tổ Tiên tồn tại trong giống nòi, tồn tại trong con cháu trên cả ba mặt “Tâm-Sinh-Vật”:

Con cháu đâu, ông bà đó.

“Là người Việt Nam, không ai là không nặng óc gia tộc. Gia tộc là một thực tại xã hội gồm nhiều tế bào cá thể quây quần sanh sống với nhau, thương yêu đùm bọc nhau. Tế bào cá thể có thể thay đổi, vì lẽ hữu sanh hoàn hữu tử, nhưng thực thể gia tộc không vì thế mà có đổi thay. Con người Việt Nam nằm chính trên giao lộ cá thể và gia tộc mình.

Vì vậy dù đã chết, hương linh người thân yêu quá vắng luôn luôn như có mặt với đời sống khắp mọi nơi, phảng phất trong khói trầm hương quyện gió bâng bạc trong khắp không gian, chỉ phối suy tư và hành động của toàn thể con dân Việt (Tuyên Ngôn con người, trang 46)

Sự thờ cúng tổ tiên, tưởng nhớ ngày giỗ chính là một trong những việc làm bảo vệ giòng sống của mình, thăng hoa giòng sống để góp chung vào sự tiến hóa. Sự thờ cúng tổ tiên nguyên do ở lòng tưởng nhớ và sự thiết tha tình cảm tôn kính tiền nhân. Chính tình cảm này khiến cho con cháu có ý thức vĩnh truyền, đời đời tưởng nhớ. **Sự thờ cúng tổ tiên dạy cho con cháu kính trọng, vâng lời cha mẹ**, và gây nơi tâm trí sự liên hệ bền chặt trong đại gia đình, đồng thời cũng tránh làm những điều sai quấy ảnh hưởng cho đại gia đình. Trong giờ phút hành lễ, tâm hồn ta kính cẩn tưởng niệm tổ tông. Ánh sáng và hương thơm tỏa trên bàn thờ toát lên một không khí cảm thông, nghiêm từ là những gì tổ tông còn đang sống với chúng ta trong thâm sâu tâm hồn. Ánh sáng và hương thơm còn tiêu biểu cho những gì thuần túy nhất của người quá cố còn lưu lại về sau. (Duy Khang, “Duy Trì và Cổ Võ Việc Thờ Cúng Tổ Tiên”, Tin Việt, số đặc biệt Xuân Quý Dậu)

Thật ra, không phải đợi cha mẹ chết rồi mới thờ mẹ kính cha. Ông cha ta đã nhắc nhở:

*Sống thì chẳng cho ăn
Chết thì cúng giỗ mâm cao, cỗ đầy.*

hoặc

*Sống thì con chẳng cho ăn,
Chết thì xôi thịt làm vẩn tẻ ruồi.*

Chữ thờ, chữ kính được hiểu biết như là một tấm lòng, lúc cha mẹ còn sống phận làm con phải biết hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ trong đời sống hàng ngày, giữ danh dự gia đình, tạo tiếng tốt cho gia tộc bằng hành động cụ thể, nêu gương tốt cho con cháu.

Mặt khác,

*Mình chỉ hiếu với mẹ cha
Con mình sẽ hiếu với ta khác gì.*

Thiên nhiên cũng đã dạy mình hiếu thảo với cha mẹ thì con mình sẽ đối xử với mình như vậy.

Sống trước đổ đâu, sống sau đổ đó.

Như đã trình bày, một khi tình thương hồn nhiên trong sáng dưới ánh sáng của trí tuệ không mang nhãn hiệu, không còn vắn đục của tư dục **thể hiện** thì **sẽ biết làm gì** cho mình cho gia đình (đối với Tổ Tiên, Ông bà, cha mẹ) cho xã hội nhân quần, dân tộc và nhân loại.

Như vậy, tóm lại việc đáng làm, cần làm, phải làm không phải tìm tình thương / trí tuệ trong kinh điển sách vở hay lời giảng mà **trở về với chính mình** như ông cha đã dạy trăm hay là xoay vào lòng, (vì) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình, tạo điều kiện thuận lợi để hạt giống tình thương uyên nguyên nảy nở phát triển hồn nhiên trong sáng là biết cách sống như thế nào cho tròn chữ hiếu.

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Chữ hiếu là lòng hiếu thảo, hiếu biểu lộ tính tự nhiên trong tính người và tình người. Nó là cách sống hiện thực sinh động, vượt qua khỏi ý niệm, con đường mò mẫm hay tìm cầu.

Lòng hiếu thảo hiện diện trong dòng sống một cách tự nhiên, bình thường như là hít thở **sống là có**, không cần phải nương tựa, dựa vào một mẫu mực hay khuôn thước nào để tòng phục hay học đòi cho giống nhau, giống như đạo hiếu trong quan niệm Nho giáo nói chung, Tông nho nói riêng trong nền văn hóa của tộc Hán, gốc du mục.

Lòng hiếu thảo còn biểu lộ lòng tôn kính và lòng biết ơn vì sống là sống cho chính mình, trong mình đã có Thiên Nhiên, huyết thống, nhân quần xã hội, tức đã mang trong mình tổ quốc và dân tộc.

Tổ quốc là hồn thiêng sông núi, dân tộc là **biểu lộ của tình thương và trí tuệ**, thuận lý theo thiên nhiên.

Như vậy “cho tròn chữ hiếu” trong ý nghĩa “thờ mẹ kính cha” như đã trình bày là **xây dựng nếp sống chan chứa tình người và tình người** trong tinh thức thể hiện đạo lý của dân tộc:

“Thương người như thể thương thân”

Tình thương là thường hằng, bất biến, ứng với vạn biến của giòng sông sinh động và hiện thực:

Thương cha mẹ là lòng hiếu thảo
Thương ông bà Tổ Tiên là tỏ lòng biết ơn và nhớ ơn qua tục thờ cúng Tổ tiên, ông bà.
Chồng thương vợ, vợ thương chồng là tình nghĩa vợ chồng
Cha thương con, con thương cha là tình cha con, tình mẹ con.
Thương người chòm xóm, ở gần nhà nhau là tình hàng xóm, láng giềng.
Thương người trong một nước là tình nghĩa đồng bào.
Thương quê hương đất nước là lòng yêu nước
Thương đồng loại là tình nhân loại.
Thương muôn loài vạn vật là yêu thiên nhiên, không phá hoại môi trường sống
Thương mình là hòa cùng vũ trụ, v.v... và v.v....

Gọi bất cứ danh xưng, ngôn ngữ nào **cũng vẫn là tình thương**.

Như vậy, “đạo con” trong ý nghĩa thăng hoa con người, mà khởi điểm là lòng hiếu thảo, thờ mẹ kính cha với ý nghĩa sâu rộng như đã trình bày để thăng hoa con người, với định hướng “Biến – Hoá – Thăng hoa” **nhân tính**, thăng hoa đến chỗ tuyệt đích ưu việt của nó, tạo điều kiện thuận lợi để hạt giống tình thương yên nguyên nảy nở, phát triển.

Một khi tình thương hồn nhiên trong sáng, không mang bất cứ nhãn hiệu nào, hiện hữu là có **tất cả** bao gồm cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Nói cách khác, mở lòng cảm nhận thiên nhiên để hoàn thiện cuộc sống, uống ngụm nước trong mát, hưởng luồng gió thoảng lúc trưa hè, dầm mưa dãi nắng trên ruộng đồng con người chan hòa tình thương vào nhựa sống; thiên nhiên cho con người tràn đầy cảm hứng và con người là những nghệ nhân thể nghiệm những cảm hứng vào hiện thực. Trời đất không nói rằng với những quy luật hay chân lý bất biến tức là luật tự nhiên, để con người sống theo đó gọi là sống thuận lý.

Dễ thường nếu mình chưa từng chăm bón cây trái bằng tất cả tấm lòng, thì làm sao mình hiểu được sự chăm sóc ấy giống như chăm sóc đàn con dại; nói theo kiểu nước mắt chảy xuôi có con mới biết công ơn cha mẹ. Lòng thương yêu con cái của cha mẹ như trời cao bể rộng, vun bón tưới tắm tình người để con khôn lớn không có kích thước để cân đo, không có hình tướng để so sánh, chính sự cảm nhận thiên thư vô ngôn của trời đất chuyển tải vào dòng sông.

Dân tộc Việt Nam đã hình thành dòng tâm thức dân tộc trong đó có lòng biết ơn; họ biết ơn thiên nhiên cho cái để sống, cha mẹ cho hình hài và tình thương để khôn lớn, nên hai nguồn sống vô tận đó đã trở thành một trong tâm thức của người Việt và người Việt đã phát triển tính ngưỡng tục Thờ Cúng Ông bà tức người thờ người và nhân cách hóa thiên nhiên trong con người hay ngược lại.

Với sự kết hợp của cha khôn mẹ khéo; người cha là biểu tượng của khai phóng khám phá, chí khí dồi dào non lấp biển tạo sự kiên định của lòng người rắn như đá vững như núi; người mẹ Việt được thiên phú cho cái thiên thư vô ngôn, cây trồng hạt giống tình thương cho con trẻ từ thời thai giáo; nguồn suối tình thương đó dịu hiền tươi mát tưới tắm cho dòng đời. Tất cả được gói ghém trong cái chấp tay cung kính nhìn trời hay cúi lạy dang hai tay ôm mặt đất cảm nhận như mình ôm được tình thương của cha và mẹ vào lòng với tất cả lòng thành kính và biết ơn. Nói thì xa xôi diệu vợi tùy theo cảm nhận của từng người nhưng khi **trở thành tâm truyền** thì chỉ cần câu lục bát (câu nói có vần có điệu thể loại độc đáo của kết đọng qua năm tháng của tiếng nói Việt.)

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Hiểu nghiệm được thiên nhiên là cõi vô thủy vô chung, mọi vật tương tác biến đổi không ngừng nghỉ, hiểu nghiệm đó là lòng người; con người được sanh ra với **cõi lòng như vậy là như vậy**, khẳng định được như vậy, tự tin là như vậy, tấm lòng đó luôn thật như trong việc thờ kính mẹ cha. **Đó là sự quay về với chính mình**, tự chuyển hóa tâm thức thật chân hiện tiền nuôi dưỡng đức khiêm cung và nhân ái truyền thừa qua dòng sống thành những thông điệp **sống, nghe, thấy, biết, ăn, uống, thở** thường ngày trở thành nhu cầu sống của con người Việt.

Không có Hàn lâm học viện, không kinh điển nhưng trong lòng mỗi người dân Việt đã được cây trồng cái hồn Việt qua người mẹ, mầm mống đó khi có điều kiện hay môi trường thích hợp sẽ được phát huy đa dạng tùy thời tùy người không của riêng ai, hay của một công việc nào.

Gặp tai trời ách nước sẽ có người kẻ vai gánh vác và người đó được người đời xưng tụng là Thiên tài; gặp trắc trở oan khiêng do con người di họa thì cũng chính trong dòng sống đó sẽ có những người hiền ngang gánh vác dân chúng xưng tụng là Nhân tài, hay có những nét đặc thù của địa phương, những đức tính cao quý khác thường nào đó sẽ được người dân phong thần hay phong thánh để nhớ ơn và ngưỡng mộ.

Những cõi lòng trong sáng vì người quên mình, chí khí cao cả, họ vượt thoát được những cái thường tình để đạt đến những trạng thái bình thường. Họ cảm nhận và diễn dịch Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất vào thực tiễn, theo dòng sống theo chiều dài lịch sử đã trở thành **Hồn Việt**, một cách cung kính người Việt gọi đó là **Hồn Thiêng Sông Núi** mà khi có việc cấp bách hệ trọng đến sơn hà xã tắc người ta thường gọi **Cha** về với chúng con. Con người sống chung đụng với nhau thành dòng sống, nên nó cũng có thác, ghềnh, uốn khúc của nó; dù trong trạng huống nào tâm cảm con người luôn phát triển theo định hướng tiến, hóa, thăng hoa và hòa đồng.

Con người chia sẻ dặt dìu nhau đồng thanh đồng ứng tạo thành những cảm hứng của cuộc sống có cùng tâm cảnh, tưới tắm dòng đời, tạo sinh khí, nghị lực phong phú bất tận cho sự trường tồn cho nòi giống Việt, nên chỉ khi có cảnh máu chảy ruột mềm, muôn dân đồng thanh cất cao tình tự dân tộc **Mẹ Việt Nam ơi**. Chuyển tải được lòng người, tô bồi những thanh cao cho cuộc sống để những tinh hoa của lòng người được đơm hoa kết trái trí tuệ và tình thương: **đó là cái Tâm Việt**. Kết tụ của cha và mẹ của trời và đất, dân Việt đầu đội trời chân đạp đất đứng trên đôi chân của chính mình với tâm Việt và hồn Việt đã tạo nên nền **Tâm thức dân tộc**, đóng góp được nhu cầu tâm thức của con người trong **việc xóa bỏ biên giới ngăn cách lòng người**. Tình thương không mang nhãn hiệu đem lại an lành cho cuộc sống. Với tấm lòng như thể đem

trải dài trên cuộc sống, người ta không hẹp hòi ích kỷ bóp chết sự sinh động bằng cách thiết lập những mô hình, những triết lý suông, không tưởng để tuân phục.

Người ta tận tình sáng tạo những phần dụng trong các nguyên lý biến dịch trong trời đất. Người ta mượn ngôn từ để gợi ý nên cái gì sống động vẫn y nguyên trong con người, truyền thừa từ thời này đến thời sau như thờ và kính thể hiện ngay trên hiện thực của dòng sống. Nó không có khởi đầu và không có sau cùng, không trong không ngoài, không trên không dưới, không dư không thiếu... giữ được mọi thuận lý với thiên nhiên: đó là Đạo. Thể hiện cho được cuộc sống trọn vẹn không có gì ngoài con người, con người của tự nhiên với tính người và tình người.

Người Việt qua lễ của cuộc sống thực tiễn nên trong việc thờ cúng người ta nghĩ đến sự tinh khiết làm đầu; nếu cúng với ly nước trong cũng là cúng, Có cái nhìn xuyên suốt từ riêng tới chung, từ gần tới xa, một là tất cả,... ở hai chiều, trái cây vẫn có nước ngọt, hoa mang hương mang sắc. **Tất cả đều có sự hiện diện của nước và của ý nghĩa tinh khiết.** Nên tục thờ cúng của người Việt rất giản dị nhưng mang ý nghĩa là trân quý sự sống, và thể hiện sự sống là thể hiện sự trân quý đó. Hội nhập vào dòng sống sinh động của người Việt, nỗi niềm hoài vọng đã biến thành lòng yêu nước thương nòi đã mang tính xuyên suốt. Chỗ nào cũng có tình thương của tổ tiên, và chỗ nào cũng có sẵn **con đường tương lai cho con cháu**; chỉ cần người Việt chúng ta tự chuyển hóa tâm thức – Trăm hay xoay vào lòng, (vì) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình. Ngọn lửa thiên dân tộc được thắp sáng bằng lòng tự hào của con dân Việt. Ngày nào tổ quốc Việt còn những đứa con lạc loài mất đường về với tâm thức dân tộc, mang thân Việt mà hồn thì bị cột trói bởi những tâm cảnh mê muội cây trồng bởi ngoại nhân, trở thành những con nội trùng làm ô nhiễm, ô ứ, tủi nhục vong linh chính gia tộc và con cháu của chính gia đình mình thì tổ quốc Việt Nam vẫn luôn mở rộng vòng tay ấm áp tình thương để biến những kẻ này thành những người thiện lành trở lại. Hãy coi những tư tưởng ngoại nhập qua tín điều, chủ nghĩa... chỉ là – có rề cho đỡ nóng tay, có dép có giày cho đỡ nóng chân; chỉ có như vậy chúng ta mới làm tròn chữ hiếu với dân tộc; chỉ có như vậy chúng ta mới giữ được bản sắc Việt, và tiềm năng của dân tộc. Hay dùng kinh nghiệm cảm nhận thiên nhiên của tổ tiên đồng nghĩa với trở về với bản sắc dân tộc.

Nói cách khác là duy trì đồng thời phát huy nếp sống hài hòa chan chứa tính người và tình người, thuận lý theo Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất.

Danh tướng Lý Thường Kiệt đã cảm nhận, chuyên dịch đầy đủ, trọn vẹn Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất vào dòng sống hiện thực và nhân bản qua lăng kính độc lập và tự cường của dân tộc:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên Thư*

Có người dịch là:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Rành rành định phận ở sách trời*

Nó trở thành **hiến pháp** đầu tiên của Việt Nam vào thế kỷ thứ 12. Phải chăng đây là một trong những bản hiến pháp sớm nhất của nhân loại.

Đó là chân lý ngàn đời của con dân Việt thể hiện **ý trời lòng người** mà cũng là chân lý của tất cả các dân tộc trên thế giới.

Sở dĩ trên đây phải trình bày dài dòng nhằm mục đích minh xác một điều: một khi tình thương hồn nhiên trong sáng thể hiện là có **tất cả**, kể cả lòng hiếu thảo, và làm cho tròn chữ hiếu như đã trình bày là yêu cha, yêu mẹ, yêu ông bà Tổ Tiên, yêu vợ, yêu chồng, yêu con, thương người hàng xóm láng giềng, thương nước thương nòi (Nguyễn Trãi), yêu thương đồng loại, yêu thiên nhiên vạn vật muôn loài, yêu thương chính mình, hòa cùng vũ trụ.

Như vậy, “**làm tròn chữ hiếu**” đồng nghĩa với **phát triển tâm linh** tức chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là **trở về với chính mình** (trăm hay xoay vào lòng, (vì) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình) **tự biết mình**, với nếp sống **tỉnh thức**, sống trọn vẹn với **thực tại** (cái đang xảy ra) tự mình mở cửa vượt thoát không gian và thời gian tâm lý (tâm trí tự buông xả, dứt bỏ niệm tưởng) tư tưởng ngưng dứt; đầu óc không còn bị điều kiện hóa bởi bất cứ một ý thức hệ nào hoặc những “**giáo truyền**” trong nhiều ngàn năm qua.

Ở đâu tâm linh được **tự do** ở đó hạt giống **tình thương uyên nguyên** (không mang bất cứ nhãn hiệu nào) nảy nở, phát triển hồn nhiên trong sáng.

“**Tự do**” và “**tình thương**” là điều kiện cần và đủ làm cho chữ hiếu tròn đầy, đồng thời **nhân tính** thăng hoa đến chỗ tuyệt đích ưu việt của nó thì **đạo con** mới viên mãn.

Trong nền văn hóa Việt, người làm tròn chữ hiếu tức thể hiện đạo con tròn đầy trong cuộc sống là Người Trưởng Thành hay gọi bất cứ với danh xưng nào cũng được: người giác ngộ, người tỉnh thức, v.v.... Gọi bất cứ danh xưng, ngôn ngữ nào “**Chúa**” vẫn ở trong ta (Chúa ở cùng anh chi em, nước Trời trong lòng các người) **Phật** cũng ở trong ta (Phật tức Tâm, Tâm tức Phật) **chân lý** vẫn ở trong nội tâm mình, Phật tính và nhân tính cũng ở trong ta.

Không thể tìm **Chúa, Phật, chân lý, nhân tính** trong sách vở kinh điển hay lời rao giảng, **không có con đường dẫn đến chân lý**.

Chữ Chúa, Thượng đế, Phật, nhân tính chân lý chỉ là ý niệm, chỉ mô tả sự thật chứ không phải là sự thật. Một khi tâm linh hoàn toàn **tự do** (không còn bị điều kiện hóa) thể nhập vào thực tại thì sự thật tự thể hiện, sống trọn vẹn với cái thực, cùng ăn ở hít thở với cái thực. Sống với cái thực là **sống thuận lý theo thiên nhiên**, tức đạo sống Việt. Nói cách khác, thể nhập vào thực tại, là tự mình mở cửa Âm Dương... về tận cội nguồn, Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất.

Không ai ngoài mình ra, có thể truyền cho mình nguồn sáng nội tâm mình. Không thể tìm thấy sự hiện hữu tâm linh mình (chân lý) trong đôi bàn tay rộng mở của người khác. Trở về với chính mình (nội tâm mình) mà **mình** không trở về được thì **không ai** và cũng không có sách vở kinh điển nào có thể giúp mình được.

Hiện nay loài người đang sống trong một nền văn minh khoa học kỹ thuật tiến bộ ngoài sức tưởng của con người cách ngày nay ba bốn thập niên, nhưng đầy xung đột, với những nghịch lý và mâu thuẫn về quyền lợi, kinh tế, tôn giáo, v.v....

Người ta nói đến tự do nhưng thực chất là giam giữ con người trong nô lệ của ý hệ và tôn giáo.

Họ chủ trương hòa bình nhưng thực chất là giành giật nhau từ thể xác đến linh hồn. Họ ca tụng văn minh nhưng thực chất là đã man cuồng loạn.. (Sư Viên Minh Thư Thầy Trò, trang 86).

Cho nên việc khẩn thiết hiện nay là mọi người tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức, tái thiết con người, trên **tình thương** đặt con người trở lại bản vị đích thực của nó; **tự cứu mình**, đồng nghĩa với **mọi người tự cứu mình** mới giải quyết được vấn nạn của con người để cùng nhau làm tròn chữ hiếu, trong ý nghĩa hiếu là một dạng của tình thương, thể hiện trọn vẹn “**đạo con**” trong cuộc sống, hướng tới xây dựng nền văn minh nhân bản chan chứa tính người và tình người.

Cho nên, Tổ tiên chúng ta thường nhắc nhở:

*Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ chính là chân tu.*

Vĩnh Nhu
Võ Thành
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org